

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2015/KDTM-ST
Ngày 24/9/2015
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng công trình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thiết Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Phúc và ông Nguyễn Thanh Tùng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Quảng - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Lâm Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 06/2015/TLST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2015 về "*Tranh chấp hợp đồng thi xây dựng công trình*" theo thông báo mở lại phiên tòa số 25/2015/TB-KDTM ngày 18 tháng 9 năm 2015, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng TS; Trụ sở tại: Số xx, đường TC, phường x, thành phố Đ, tỉnh Q. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Phương H, Giám đốc Công ty, có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại xxx; Trụ sở tại: Số xx Nguyễn Tường T, thành phố V, tỉnh N. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quang C, Phó Giám đốc Công ty (Giấy ủy quyền số 280/CT423 ngày 22 tháng 6 năm 2015), có mặt.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Phương H làm đại diện, trình bày:

Ngày 07/7/2011, Công ty TNHH Xây dựng TS (sau đây gọi tắt là Công ty TS) với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại xxx (sau đây gọi tắt là Công ty xxx) ký kết Hợp đồng kinh tế số 451/KD-2011 giao nhận gói thầu Xây lắp đường hai đầu cầu đoạn KM3 + 892 đến KM5 + 935 (gói thầu số 3) thuộc Dự án cầu Sông Hiếu trên địa bàn thành phố Đông Hà. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty xxx giao cho Công ty TS thi công các hạng mục gồm: Thi công nền đường, gia cố mái taluy, thi công mặt đường chính tuyến, thoát nước vv..., có trị giá hợp đồng tạm tính là 9.688.681.000 đồng. Trong quá trình thi công, đến ngày 30/12/2012 thì hai bên lập biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đã xác định giá trị thanh lý hợp đồng là 2.928.537.274 đồng. Ngày 15/7/2013, hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ thể hiện Công ty xxx còn nợ Công ty TS số tiền là 778.784.294 đồng. Nay, Công ty TS yêu cầu Tòa án buộc Công ty xxx phải trả số tiền gốc nợ gốc là 778.784.294 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 15/7/2013 đến ngày 24/9/2015 là 2 năm 2 tháng 9 ngày với lãi suất 9%/năm, tổng tiền lãi là: 148.928.476 đồng. Tổng số tiền yêu cầu Công ty xxx phải trả là: **927.712.770đồng**.

Trong đơn trình bày ý kiến và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Thừa nhận nội dung yêu cầu của nguyên đơn về số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng Xây lắp đường hai đầu cầu sông Hiếu đã đối chiếu công nợ hai bên là 778.784.294 đồng. Tuy nhiên, theo hợp đồng thì đã có thỏa thuận bên giao thầu là Công ty xxx được giữ lại 5% tiền bảo hành là 146.426.864 đồng. Do đó, số tiền còn nợ là 632.447.430 đồng. Mặt khác, Công ty xxx là đơn vị thầu chính nhận thầu thi công từ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng giao thông - Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị. Quá trình thi công toàn bộ tổng thầu, gói thầu số 3 là gói thầu sử dụng Ngân sách Nhà nước thuộc diện bị dừng, giãn theo Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 của Chính phủ. Vì vậy, sau khi hoàn thành một số hạng mục cần thiết, công trình bị tạm dừng thi công. Cho đến nay, tỷ lệ thanh toán của Chủ đầu tư sử dụng vốn Ngân sách nhà nước thanh toán cho Công ty xxx mới đạt tỷ lệ khoảng 77% so với giá trị khối lượng nghiệm thu. Trong khi đó, Công ty xxx đã thanh toán cho Công ty TS đạt 78,61% giá trị nghiệm thu. Như vậy, Công ty xxx đã thanh toán cho Công ty TS vượt quá tỷ lệ mà Chủ đầu tư thanh toán cho Công ty xxx. Đối với khoản tiền lãi, thì trong hợp đồng đã thỏa thuận không đề cập đến tiền lãi do thanh toán chậm. Mặt khác, Chủ đầu tư cũng không trả lãi khi chậm thanh toán cho Công ty xxx. Do đó, Công ty xxx không chấp nhận việc thanh toán lãi chậm trả cho Công ty TS. Việc chưa thanh toán hết cho Công ty TS là do nguyên nhân khách quan nằm ngoài dự tính của Công ty xxx. Trong trường hợp Chủ đầu tư thanh toán hoàn toàn khối lượng đã nghiệm thu thì Công ty xxx sẽ thanh toán dứt điểm công nợ cho Công ty TS.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo nội dung bản Hợp đồng kinh tế giao nhận gói thầu xây lắp đường hai đầu cầu đoạn KM3 + 892 đến KM5 + 935 (gói thầu số 3) thuộc dự án cầu Sông Hiếu thì Công ty TS có trách nhiệm thi công các hạng mục gồm: Nền đường, gia cố mái ta-luy, mặt đường chính tuyến và thoát nước thuộc gói thầu số 3 do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng giao thông - Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị giao cho nhà thầu chính là Công ty xxx thực hiện. Việc ký kết hợp đồng giữa Công ty xxx và Công ty TS đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về xây dựng nên có hiệu lực thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TS đã thi công hoàn thành một số hạng mục nền đường và cống thoát nước. Trên cơ sở các Biên bản thanh lý và bảng tính khối lượng hoàn thành được lập, ngày 15/7/2013, hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ có nội dung xác định: *Khối lượng hoàn thành có trị giá 2.928.537.274 đồng, phía Công ty xxx đã tạm ứng và thanh toán cho Công ty TS được 2.149.752.980 đồng, còn nợ lại số tiền 778.784.294 đồng, trong đó tạm giữ số tiền bảo hành 5% là 146.426.864 đồng.* Như vậy, căn cứ vào nội dung Biên bản đối chiếu công nợ thì Công ty xxx phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ chưa thanh toán cho Công ty TS.

Đối với khoản tiền bảo hành, HĐXX thấy: Theo thỏa thuận tại điều 5 Hợp đồng ngày 07/7/2011, thì thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ ngày bàn giao công trình và được chủ đầu tư chứng nhận hết bảo hành, bên nhận thầu được hoàn trả tiền bảo hành kể từ khi kết thúc bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành. Tại Công văn số 455/QLDA ngày 13/7/2015, Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng giao thông - Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị xác nhận: *“Hiện tại gói thầu số 3 đang thi công, khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng mới tạm giữ kinh phí bảo hành”.* Do đó, tại thời điểm xét xử thì chưa đủ điều kiện để xem xét yêu cầu được hoàn trả tiền bảo hành của nguyên đơn.

Về ý kiến bị đơn cho rằng, Công ty xxx chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TS tương ứng với tỉ lệ mà chủ đầu tư thanh toán cho Công ty xxx. Tại bản hợp đồng số 451//KD-2011 đã ký kết giữa hai bên không có nội dung nào thể hiện việc thanh toán phải tương ứng với tỉ lệ mà chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu chính. Mặt khác, cho đến ngày 13/7/2015, Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng giao thông - Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị đã thanh toán cho Công ty xxx số tiền 14.252.000.000

đồng trong tổng số khối lượng hoàn thành là 18.155.000.000 đồng. Do đó, không chấp nhận ý kiến của Công ty xxx về tỉ lệ và thời điểm thanh toán.

Đối với khoản tiền lãi chậm thanh toán, thấy rằng, hai bên đã có biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ từ ngày 15/7/2013. Do đó, phía Công ty xxx phải có nghĩa vụ trả tiền nợ cho Công ty TS, nếu chậm trả thì phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 305 BLDS. Mức lãi suất chậm thanh toán được tính theo lãi suất cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm.

Từ sự phân tích ở trên, HĐXX thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 632.357.430 đồng. Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 632.357.430 đồng được tính từ ngày 15/7/2013 đến ngày 24/9/2015 là 24 tháng 9 ngày theo lãi suất 9%/năm là 124.732.522 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là **757.089.952** đồng. Về yêu cầu trả tiền bảo hành, do chưa đủ điều kiện để yêu cầu hoàn trả số tiền này nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn. Công ty TS có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty xxx hoàn trả khoản tiền bảo hành bằng một vụ án khác khi có đủ điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Về án phí: Bị đơn, Công ty xxx phải chịu án phí đối với khoản tiền phải trả 757.089.952 đồng. Nguyên đơn, Công ty TS được hoàn trả phần tạm ứng án phí đối với yêu cầu bị đình chỉ, do đó, được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản điểm c khoản 1 Điều 76 Luật Xây dựng (2003); Các Điều 286, 290 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 22 Nghị định 08/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng; khoản 1 Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại xxx phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng TS số tiền gốc là 632.357.430 đồng, tiền lãi là 124.732.522 đồng, tổng cộng là **757.089.952** đồng (*Bảy trăm năm mươi bảy triệu không trăm tám mươi chín ngàn chín trăm năm mươi hai ngàn đồng*).

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 192 Bộ luật TTDS đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng TS về số tiền bảo hành 5% là **146.426.864** đồng.

Về án phí: Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại xxx phải chịu **34.283.598** đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Xây dựng TS số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **20.726.764** đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014 0007514 ngày 13/01/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH Xây dựng TS, nếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại xxx chưa thanh toán khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thiết Hùng